

Bản án số: 73/2019/HNGĐ - ST
Ngày 23/7/2019
V/v :Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Lợi

Ông Hồ Bá Võ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày tháng năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2019/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2019 về “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1987; Địa chỉ: Xóm 5, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An. (có mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 5, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ hiện nay: Alt Friedrich – sfelde 60, 10315 Berlin(Cộng hòa liên bang Đức).(có đơn xin xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1964, bà Hà Thị P, sinh năm 1974; Điều trú tại: Xóm 5, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn anh Phạm Văn Q trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An ngày 23/02/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau tại xã D, huyện C. Đến năm 2018, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống khác nhau, đến cuối năm 2018, chị N đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Cũng từ

đó vợ chồng sống ly thân, xa cách về địa lý nên không có điều kiện để hàn gắn tình cảm. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Anh Q và Chị Nguyễn Thị N có hai người con chung là Phạm Công Đ, sinh ngày 03/09/2009 và Phạm A, sinh ngày 14/08/2015. Nếu ly hôn, anh và chị N đã trao đổi và thống nhất giao hai chung cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, hai vợ chồng tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Nguyễn Thị N không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N đang sinh sống và làm việc tại CHLB Đức, đã được Tòa án và Q thông báo về việc anh Phạm Văn Q (chồng chị) đã nộp đơn ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Do đó, chị Nguyễn Thị N đã gửi Bản tự khai, Giấy ủy quyền, Đơn xin xử vắng mặt (tất cả đều có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức) đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trình bày:

Chị thừa nhận về thời gian, điều kiện, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như anh Phạm Văn Q trình bày. Vợ chồng chị kết hôn và chung sống với nhau được một thời gian thì chị đi nước ngoài sinh sống và làm việc. Từ khi phải sống xa nhau đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ít liên lạc với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm phai nhạt dần và không còn quan tâm đến nhau nữa, nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, anh Phạm Văn Q làm đơn xin ly hôn thì chị cũng chấp nhận.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn Q có hai người con chung là Phạm Công Đ, sinh ngày 03/09/2009 và Phạm A, sinh ngày 14/08/2015. Nếu ly hôn, chị và anh Q đã trao đổi và thống nhất giao hai chung cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại chị đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên Bang Đức, không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết việc ly hôn với anh Q nên trong Bản tự khai, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt chị. Đồng thời chị N đề nghị Tòa án gửi các văn bản của Tòa án đến bố ruột của chị là ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1964, địa chỉ: Xóm 5, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An và ông D sẽ có trách nhiệm thông báo và gửi cho chị.

Tại Bản trình bày của ông Nguyễn Ngọc D và bà Hà Thị P (bố mẹ đẻ chị N): Ông D thừa nhận đã nhận thông tin chị N trao đổi về vấn đề làm thủ tục ly hôn với anh Q tại Tòa án, nhận trách nhiệm nhận văn bản của Tòa án và cam đoan sẽ gửi và thông tin với chị N, ông cũng thừa nhận chữ ký tại Bản tự khai, Giấy ủy quyền, Đơn

xin xử vắng mặt mà Tòa án cho ông đọc và xem là chữ viết và chữ ký của con gái ông.

Hiện nay, hai con chung của chị N và anh Q đang do ông bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hàng tháng anh Q và chị N gửi tiền nuôi cháu cho ông bà đầy đủ nên biết anh Q và chị N ly hôn, ông bà không yêu cầu tiền nuôi dưỡng các cháu từ trước đến nay. Do chị N con gái ông bà đang ở nước ngoài nên việc chị N nhận trực tiếp nuôi dưỡng các con chung chị N cũng đã treo đổi nhờ ông bà trực tiếp chăm sóc các con chung của chị N và anh Q. Ông bà cam đoan tự nguyện, nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến khi chị N về nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án Ly hôn không có tranh chấp con chung, tranh chấp tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Văn Q có địa chỉ thường trú tại xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị N hiện đang cư trú tại Cộng hòa liên bang Đức, trước xuất cảnh chị N có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì chị Nguyễn Thị N không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và yêu cầu không hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị N có Đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án, nội dung đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Chị N phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về Bản tự khai và các tài liệu do chị cung cấp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An ngày 23/02/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau tại xã D, huyện C. Đến năm 2018, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống khác nhau, đến cuối năm 2018, chị N đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, xa cách về địa lý nên không có điều kiện để hàn gắn tình cảm. Hiện tại, anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị N thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Anh Phạm Văn Q yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị N và anh Q có hai người con chung là Phạm Công Đ, sinh ngày 03/09/2009 và Phạm A, sinh ngày 14/08/2015. Anh chị thống nhất giao hai chung cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Bố mẹ đẻ của chị N là ông Nguyễn Ngọc D và bà Hà Thị P tự nguyện nhận trách nhiệm và cam đoan sẽ nuôi dưỡng chăm sóc hai cháu đến khi chị N về nước.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Phạm Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Trung vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 37, Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 2, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469, Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Phạm Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị N được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Giao cho chị Nguyễn Thị N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Phạm Công Đ, sinh ngày 03/09/2009 và Phạm A, sinh ngày 14/08/2015 đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận nên Tòa án không giải quyết.

Ông Nguyễn Ngọc D và bà Hà Thị P (bố mẹ đẻ chị N) tự nguyện nhận chăm sóc, quản lý hai cháu Phạm Công Đ và Phạm A, sinh trong thời gian chị N đang ở nước ngoài.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số **0003944 ngày 14/06/2019** của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh Phạm Văn Q đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn Q có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã D, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hải Minh

